

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-01-2021

Về: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thủy

2. Bà Nguyễn Thị Di

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Quỳnh Như, thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 388/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXX-ST ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Xuân Th, sinh năm 1976; HKTT: Số 14T2 khu phố S, thị Trấn Đ, huyện Đ, tỉnh V. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Chế Đình T, sinh năm 1977; HKTT: Số 14T2 khu phố S, thị Trấn Đ, huyện Đ, tỉnh V. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 9 năm 2020 và quá trình tố tụng tại tòa chị Đỗ Thị Xuân Th trình bày: Chị Đỗ Thị Xuân Th và anh Chế Đình T sống chung với nhau vào năm 1998, đăng ký kết hôn tại UBND thị Trấn Đ, huyện Đ, tỉnh V. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, nhưng mấy năm về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Mặc dù hai bên rất cố gắng, hai gia đình cũng đã can thiệp nhưng vợ chồng không thể kiềm chế được nổi bức xúc mỗi khi cùng chung sống trong cùng một nhà. Nay chị Th nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên yêu cầu được ly hôn

- Về con chung: có 02 con Chế Đình Kim Ng, sinh năm 1999 và Chế Đình Ngân Linh, sinh năm 2003; con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không yêu cầu tòa án giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, đã nhiều lần triệu tập anh Chế Đình T đến Tòa giải quyết ly hôn nhưng anh vắng mặt không có lý do; Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt anh T có ghi do bận công việc nên xin Tòa được vắng mặt khi giải quyết ly hôn nhưng không ghi ý kiến phản hồi; không xác định rõ yêu cầu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: quá trình thụ lý, Th thập chứng cứ Thẩm phán và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân theo quy định của pháp luật.

Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quá trình tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị Xuân Th yêu cầu ly hôn anh Chế Đình T nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Thiện cư trú tại thị Trấn Đ, huyện Đ nên vụ án Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Xuân Th và anh Chế Đình T sống chung với nhau từ năm 1998, đăng ký kết hôn tại UBND thị Trấn Đ, huyện Đ, tỉnh V nên hôn nhân giữa chị Th và anh T là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Th xác nhận: Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân: Do bất đồng quan điểm và cách nhìn nhận cuộc sống của hai vợ chồng không hòa hợp thường xảy ra vấn đề cãi vã, sự việc tiếp diễn xảy ra. Chị Th đã làm đơn yêu cầu ly hôn vào đầu năm 2020 (quyết định đình chỉ số: 58/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ), vì lo cho tương lai con cái và tạo cơ hội cho vợ chồng có thời gian cải thiện tình cảm và cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng cuộc sống chung không thay đổi; hiện tại chị Th và anh T đã tự sống ly thân nhau. Khi chị Th yêu cầu ly hôn, anh T lại không có mặt tại Tòa để giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng, anh lại vắng mặt. Chứng tỏ anh T cũng không muốn chung sống và duy trì cuộc sống vợ chồng với chị Th. Căn cứ, khoản 2 Điều 19 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy, hôn nhân của chị Th và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh T.

[2.2] Về con chung: có 02 con Chế Đình Kim Ng, sinh năm 1999 và Chế Đình Ngân L, sinh năm 2003; con chung đã trưởng thành nên không giao quyền nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Xuân Th đối với anh Chế Đình T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Xuân Th được ly hôn anh Chế Đình T.

- Về con chung: có 02 con Chế Đình Kim Ng, sinh năm 1999 và Chế Đình Ngân L, sinh năm 2003; con chung đã trưởng thành nên không giao quyền nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Đỗ Thị Xuân Th nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai Th số 0004182 ngày 06-10-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Chị Th đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát ND h. Đ;
- Chi cục thi hành án Dân sự h.Đ;
- UBND thị Trấn Đ, huyện Đ, tỉnh V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Trúc